

Số: 389 /PA-UBND

Sơn Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2019

**PHƯƠNG ÁN**  
**Bố trí cán bộ, công chức xã, thị trấn trên địa bàn huyện**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-CT ngày 13/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính cấp xã,

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Huyện ủy tại Văn bản số 724-CV/TCNV ngày 21/8/2019 của Cơ quan Tổ chức - Nội vụ về công tác cán bộ;

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương xây dựng phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức xã, thị trấn như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:** Nhằm bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo đúng số lượng, đúng cơ cấu, tiêu chuẩn theo quy định của tỉnh, của Trung ương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

**2. Yêu cầu:** Việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã phải đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; đảm bảo tính khách quan, khả thi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

## **II. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

**1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 364/QĐ-UBND**

- Huyện Sơn Dương có 33 xã, thị trấn phân loại như sau:

+ Cấp xã loại I: 03 xã, thị trấn, trong đó: Có 02 đơn vị được bố trí 23 người/đơn vị (Đại Phú, Đông Thọ); 01 đơn vị (thị trấn Sơn Dương) được bố trí 22 người, do bố trí Công an chính quy.

+ Xã loại II: 25 xã, trong đó: Có 23 xã được bố trí 21 người/đơn vị; 02 xã (Sơn Nam, Thiện Kế) được bố trí 20 người/đơn vị, do bố trí Công an chính quy.

+ Xã loại III: 05 xã, trong đó: Có 04 xã được bố trí 19 người/đơn vị; 01 xã (Đồng Quý) được bố trí 18 người/đơn vị, do bố trí Công an chính quy.

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bố trí: 684 người, trong đó: Cán bộ cấp xã: 333 người. Công chức cấp xã: 351 người.

### **2. Thực trạng số lượng cán bộ, công chức hiện có**

- Tổng số cán bộ, công chức hiện có: 666 người, trong đó:

+ Cán bộ 329/333 người (*thiếu 03 cán bộ và 01 chức danh kiêm nhiệm*).

+ Công chức 337/351 người (*thiếu 14 người so với số được bố trí*).

- Hiện nay, 33/33 xã, thị trấn bố trí đúng số lượng cán bộ, công chức theo quy định; 01 đơn vị đang thừa 01 công chức, cụ thể:

+ Cấp xã loại I:

-> Có 01/03 đơn vị bố trí đủ tổng số cán bộ, công chức, nhưng số lượng chức danh Văn phòng - thống kê đang nhiều hơn quy định (xã Đông Thọ đang thừa 01 công chức Văn phòng - thống kê, thiếu 01 công chức Địa chính và 01 công chức Văn hóa - xã hội).

-> Có 02/03 đơn vị bố trí đủ tổng số và đúng số lượng từng chức danh cán bộ, công chức (xã Đại Phú và thị trấn Sơn Dương).

+ Cấp xã loại II: Có 25/25 xã, đang bố trí đúng tổng số cán bộ, công chức và đảm bảo theo từng chức danh người.

+ Cấp xã loại III: Có 05/05 xã, đang bố trí đúng tổng số cán bộ, công chức và đảm bảo theo từng chức danh người.

### **3. Phương án bố trí cán bộ, công chức cấp**

#### **3.1. Về số lượng**

- Cấp xã loại I: Có 03 đơn vị, trong đó:

+ 01 đơn vị bố trí 22 cán bộ, công chức (thị trấn Sơn Dương đã bố trí Công an chính quy).

- + 02 đơn vị bố trí 23 cán bộ, công chức (Đại Phú, Đông Thọ).
- Cấp xã loại II: Có 25 đơn vị, trong đó:
  - + 22 đơn vị bố trí đủ số lượng 21 cán bộ, công chức.
  - + 03 đơn vị bố trí 20 cán bộ, công chức (xã Sơn Nam, Ninh Lai và Thiện Kế đã bố trí Công an chính quy).
- Cấp xã loại III: Có 05 đơn vị, trong đó:
  - + 04 đơn vị bố trí đủ số lượng 19 cán bộ, công chức.
  - + 01 đơn vị bố trí 18 cán bộ, công chức (xã Đồng Quý đã bố trí Công an chính quy).
- Đối với 28 xã chưa bố trí Trưởng Công an xã là Công an chính quy; khi được bố trí Công an xã là Công an chính quy thì số lượng công chức cấp xã giảm đi 01 người so với số lượng được giao.

**Tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bố trí 684 người (333 cán bộ, 351 công chức).**

### 3.2. Về chức danh

Phương án bố trí đối với từng xã, thị trấn *(Có phụ lục kèm theo)*.

### 4. Phương án bố trí, sắp xếp lại cán bộ, công chức cấp xã

- Đối với 32/33 xã, thị trấn đã bố trí tổng số cán bộ, công chức và số lượng từng chức danh cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định; giữ nguyên thực trạng như hiện nay; sau khi nhập xã (Thanh Phát và Sầm Dương), sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp cân đối số lượng theo các chức danh còn thiếu.

- Đối với 01 đơn vị (xã Đông Thọ) đủ về tổng số, nhưng thừa số lượng ở chức danh Văn phòng - thống kê, thực hiện tinh giản biên chế đối với 01 công chức Văn phòng - thống kê vào đợt 1 năm 2020. Đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị nghỉ hưu trước tuổi đối với ông Âu Văn Sơn, công chức Văn phòng - thống kê xã, gửi Sở Nội vụ thẩm định *(tại Báo cáo số 678/BC-UBND ngày 30/9/2019)*.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện

- Rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức của từng xã, thị trấn theo từng chức danh, lĩnh vực phụ trách đúng quy định tại Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 35/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tế ở địa phương và theo Phương án được phê duyệt.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã, sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với những công chức có trình độ chuyên môn không phù hợp với chức danh đảm nhiệm.

**2. Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện:** Phối hợp với Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện rà soát tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo theo quy định.

**3. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn**

- Triển khai đầy đủ nội dung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh và nội dung Phương án này đến toàn thể cán bộ, công chức của xã.

- Rà soát, đề xuất với UBND huyện bố trí, sắp xếp lại đối với những chức danh, công chức không phù hợp cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn. Triển khai cho công chức thuộc diện phải đào tạo lại đăng ký thời gian và chuyên ngành đào tạo. Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện tổng hợp).

Trên đây là Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức xã, thị trấn thuộc huyện Sơn Dương, yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan, các xã, thị trấn căn cứ Phương án này để triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu gặp các vấn đề phát sinh các đơn vị gửi ý kiến (bằng văn bản) về Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện để tổng hợp, trình UBND huyện xem xét, quyết định điều chỉnh./. *ts*

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Nội vụ (Thẩm định);
- T.trực Huyện ủy (B/cáo);
- Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện (T/hiện);
- Các CQCM thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn (T/hiện);
- Lưu: VT, NV. *2*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



*Phạm Văn Lương*  
**Phạm Văn Lương**

**PHƯƠNG ÁN**

**Bố trí cán bộ, công chức xã, thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương**

*(Kèm theo Phương án số 389 /PA-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương)*

TT	Xã, thị trấn	Loại đơn vị hành chính	Tổng số CBCC	Trong đó																								Ghi chú	
				Cán bộ												Công chức													
				Tổng số cán bộ	Từng chức danh											Tổng số công chức	Từng chức danh												
					Bí thư Đảng ủy (kiểm tra Chủ tịch HĐND)	Phó Bí thư Đảng ủy (kiểm tra Chủ tịch HĐND)	Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch HĐND	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UB MTTQ	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội CCB	Chủ tịch Hội LHPN	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		Trưởng Công an	Chỉ huy trưởng QS	Tài chính - kế toán	Văn phòng - thống kê	Tư pháp - hộ tịch	Văn hóa - xã hội			ĐC-NN-XD&MT				
T.số	Văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, y tế, giáo dục, TT&TT	LD-TB&XH	T.số	Đất đai, tài nguyên và môi trường	Nông nghiệp, xây dựng, giao thông, đô thị (thị trấn)	Nông nghiệp, xây dựng, giao thông, xây dựng NTM (xã)																							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
1	TT Sơn Dương	I	22	11	1	1	-	1	1	2	1	1	1	1	1	11		1	1	2	2	2	1	1	3	2	1		CA chính quy
2	Đại Phú	I	23	11	1	1	-	1	1	2	1	1	1	1	1	12	1	1	1	2	2	2	1	1	3	1		2	
3	Đông Thọ	I	23	11	1	1	-	1	1	2	1	1	1	1	1	12	1	1	1	2	2	2	1	1	3	1		2	
4	Trung Yên	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
5	Hợp Thành	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
6	Thiện Kế	II	20	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	10		1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	CA chính quy
7	Hào Phú	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
8	Minh Thanh	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
9	Tân Trào	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
10	Phúc Ứng	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
11	Kháng Nhật	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
12	Tuân Lộ	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
13	Đông Lợi	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
14	Quyết Thắng	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
15	Văn Phú	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
16	Hợp Hòa	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
17	Phú Lương	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	

TT	Xã, thị trấn	Loại đơn vị hành chính	Tổng số CBCC	Trong đó																									Ghi chú
				Cán bộ												Công chức													
				Từng chức danh												Từng chức danh													
				Tổng số cán bộ	Văn hóa - xã hội											ĐC-NN-XD&MT													
Bí thư Đảng ủy (kiểm Chủ tịch HĐND)	Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch UBND	Chủ tịch UB MTTQ	Chủ tịch Hội Nông dân	Chủ tịch Hội CCB	Chủ tịch Hội LHPN	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Tổng số công chức	Trưởng Công an	Chi huy trưởng QS	Tài chính - kế toán	Văn phòng - thống kê	Tư pháp - hộ tịch	T.số	Văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, y tế, giáo dục, TT&TT	LD-TB&XH	T.số	Đất đai, tài nguyên và môi trường	Nông nghiệp, xây dựng, giao thông, đô thị (thị trấn)	Nông nghiệp, xây dựng, giao thông, xây dựng NTM (xã)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
18	Hồng Lạc	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
19	Tứ Thịnh	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
20	Thượng Âm	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
21	Vĩnh Lợi	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
22	Cấp Tiến	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
23	Ninh Lai	II	20	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	10		1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	CA chính quy
24	Sơn Nam	II	20	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	10		1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	CA chính quy
25	Tam Đa	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
26	Lương Thiện	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
27	Bình Yên	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
28	Chi Thiết	II	21	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	11	1	1	1	2	2	2	1	1	2	1		1	
29	Thanh Phát	III	19	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	9	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1		1	
30	Đồng Quý	III	18	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	8		1	1	1	1	2	1	1	2	1		1	CA chính quy
31	Sầm Dương	III	19	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	9	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1		1	
32	Vân Sơn	III	19	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	9	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1		1	
33	Lâm Xuyên	III	19	10	1	1	-	1	1	1	1	1	1	1	1	9	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1		1	
<b>Tổng cộng</b>			<b>684</b>	<b>333</b>	<b>33</b>	<b>33</b>		<b>33</b>	<b>33</b>	<b>36</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>351</b>	<b>28</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>61</b>	<b>61</b>	<b>66</b>	<b>33</b>	<b>33</b>	<b>69</b>	<b>34</b>	<b>1</b>	<b>34</b>		